

*Bài tập:

Sắp xếp câu(thêm dấu câu):

1. 音乐 种 喜欢 哪 你

Yīnyuè zhǒng xǐhuan nǎ nǐ

2. 位 哪 是 您

wèi nǎ shì nín

3. 个 哪 你 选 一

gè nǎ nǐ xuǎn yī

4. 件 穿 打算 你 哪

jiàn chuān dǎsuan nǐ nǎ